

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 19 tháng 11 năm 2009
TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH

Phan Thị Lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN


* S.D.K.H.D.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Số 199B - phố Minh Khai - quận Hai Bà Trưng - TP. Hà Nội

Điện thoại: 04.38 628 205

Fax: 04.38 628 703

Mục lục	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán	5
Báo cáo tài chính	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 20



CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Số 199B - phố Minh Khai - quận Hai Bà Trưng - TP. Hà Nội

Điện thoại: 04.38 628 205

Fax: 04.38 628 703

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ô tô TMT trình bày Báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 của Công ty Cổ phần Ô tô TMT (sau đây được viết tắt là "Công ty"), như sau:

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Ô tô TMT được chuyển đổi hình thức sở hữu theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14/4/2006 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thương mại và Sản xuất vật tư thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam thành công ty cổ phần.

Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 ngày 14/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 17/02/2009.

Vốn điều lệ của Công ty: 90.000.000.000 đồng (*Chín mươi tỷ đồng chẵn*).

Công ty có trụ sở chính tại số 199B - phố Minh Khai - quận Hai Bà Trưng - thành phố Hà Nội.

Đơn vị trực thuộc Công ty gồm có: Nhà máy Ô tô Cửu Long, Nhà máy sản xuất lắp ráp xe gắn máy đặt tại xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên và Chi nhánh Công ty tại tỉnh Bình Dương đặt tại xã Lộ Hà Nội, xã Bình Thắng, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Công ty có 01 Công ty con là Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải ô tô số 8, địa chỉ: Số 7, Lương Yên, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Tại thời điểm 31/12/2008, vốn điều lệ của Công ty con là 12.000.000.000 đồng (*mười hai tỷ đồng chẵn*), tỷ lệ nắm giữ vốn của Công ty Cổ phần Ô tô TMT là 54,17 %.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất, lắp ráp xe máy và ô tô tải.

3. Ngành nghề kinh doanh

Các hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008, bao gồm:

- Sản xuất và cung ứng vật tư thiết bị cơ khí giao thông vận tải;
- Gia công, phục hồi, kinh doanh vật tư, phụ tùng, phương tiện cơ khí giao thông vận tải;
- Sửa chữa, kinh doanh và đại lý ký gửi các loại xe gắn máy hai bánh;
- Kinh doanh hàng điện, điện tử, hàng nội thất;
- Làm dịch vụ xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng, phương tiện giao thông vận tải;
- Đại lý, kinh doanh vật tư, thiết bị phụ tùng, vật liệu xây dựng và dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, phương tiện vận tải, nông sản và hàng tiêu dùng;
- Dịch vụ vận tải và giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại, xe gắn máy hai bánh các loại;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng ô tô, xe gắn máy hai bánh.

120
CHI
DNG
IEM
CH
P. H

4711-C
HÀNH
TY TNHH
TOÀN
D TÍNH
Đ CHINH
HAY-3

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Số 199B - phố Minh Khai - quận Hai Bà Trưng - TP. Hà Nội

Điện thoại: 04.38 628 205

Fax: 04.38 628 703

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

3. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty

Các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính 2008 và tới ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Hồng	Ủy viên
Ông Bùi Quốc Công	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Long	Ủy viên
Ông Đặng Quang Vinh	Ủy viên
Ông Lương Chí Cường	Ủy viên
Ông Đỗ Mạnh Tuấn	Ủy viên
Ông Lê Văn Phiến	Ủy viên

Bổ nhiệm ngày 06/02/2009

Miễn nhiệm ngày 06/02/2009

Ban Giám đốc:

Ông Đặng Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Bổ nhiệm ngày 17/02/2009
Ông Lê Thành Chung	Tổng Giám đốc	Từ ngày 01/01/2008 - 01/12/2008
	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Từ ngày 02/12/2008 - 16/02/2009
	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 17/02/2009
Ông Phạm Văn Công	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trịnh Xuân Nhâm	Phó Tổng Giám đốc	

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2008; kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2008 của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 06 đến 20 kèm theo.

5. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

6. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2008; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

6. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2009

T/M Ban Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc



Phạm Văn Công



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC

Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines)

Fax: (84.8) 3930 4281

Email: aisc@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn



Số: 90103.TH/BCKT- AISHN

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2009

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty Cổ phần ô tô TMT

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Chúng tôi, Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 của Công ty Cổ phần Ô tô TMT (sau đây được viết tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, thu thập các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét, đánh giá tính tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng; các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho những nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2008, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, được lập phù hợp với chế độ, chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các văn bản pháp lý liên quan.

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Thanh Huệ

Chứng chỉ KTV số: 0756/KTV

Giám đốc



Đào Tiến Đạt

Chứng chỉ KTV số: Đ0078/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2008

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.269.155.144.958	708.617.359.752
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		37.753.720.526	16.869.286.931
1. Tiền	111	V.1	10.177.250.751	16.869.286.931
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.576.469.775	0
III. Các khoản phải thu	130		88.857.163.953	26.555.605.423
1. Phải thu khách hàng	131		53.025.270.712	179.850.500
2. Trả trước cho người bán	132		21.018.287.236	25.212.065.834
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	14.813.606.005	1.163.689.089
IV. Hàng tồn kho	140		1.124.920.431.810	639.844.329.577
1. Hàng tồn kho	141	V.4	1.146.158.100.682	639.844.329.577
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.237.668.872)	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.623.828.669	25.348.137.821
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		189.152.636	78.500.993
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.377.274.375	7.444.203.505
3. Các khoản thuế phải thu	153	V.5	5.107.999.452	3.127.073.825
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.949.402.206	14.698.359.498
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		108.406.270.083	73.202.820.015
II. Tài sản cố định	220		97.577.004.226	69.355.530.725
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	53.096.199.486	46.452.379.868
Nguyên giá	222		103.617.540.739	85.735.738.034
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.521.341.253)	(39.283.358.166)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	17.837.622.198	18.269.897.633
- Nguyên giá	228		19.488.410.399	19.488.410.399
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.650.788.201)	(1.218.512.766)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	26.643.182.542	4.633.253.224
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.285.609.108	2.942.730.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		9.750.000.000	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	3.369.205.041	3.435.300.492
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(2.833.595.933)	(492.570.492)
V. Tài sản dài hạn khác	260		543.656.749	904.559.290
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	338.656.749	904.559.290
3. Tài sản dài hạn khác	268		205.000.000	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.377.561.415.041	781.820.179.767

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2008

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.156.234.808.941	680.591.998.723
I. Nợ ngắn hạn	310		1.118.588.644.713	644.842.376.511
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	954.570.851.665	319.764.342.666
2. Phải trả người bán	312		82.645.472.091	111.517.154.011
3. Người mua trả tiền trước	313		33.574.648.458	92.887.276.156
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	4.028.144.305	20.731.688.478
5. Phải trả người lao động	315		2.338.182.600	733.292.800
6. Chi phí phải trả	316	V.17	24.964.806.520	12.496.489.295
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	16.466.539.074	86.712.133.105
II. Nợ dài hạn	330		37.646.164.228	35.749.622.212
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	37.441.751.491	35.545.209.475
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		204.412.737	204.412.737
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		221.326.606.100	101.228.181.044
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	215.968.347.888	100.510.893.116
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.500.000.000	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		23.643.050.040	0
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.718.392.148	0
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		94.106.905.700	75.510.893.116
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		5.358.258.212	717.287.928
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		5.358.258.212	717.287.928
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.377.561.415.041	781.820.179.767

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2009

Lập biểu

Phó Phòng Tài chính kế toán

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Minh Châu

Phạm Mạnh Hiền

Phạm Văn Công

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2008

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	2.325.298.503.824	997.490.951.610
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	3.563.424.650	249.959.913
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	2.321.735.079.174	997.240.991.697
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	1.974.617.498.587	872.304.889.767
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		347.117.580.587	124.936.101.930
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	15.374.093.660	4.056.530.633
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	176.569.973.283	20.477.587.743
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		137.030.037.451	
8. Chi phí bán hàng	24		55.180.612.532	19.356.724.429
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		26.495.529.891	16.307.593.114
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		104.245.558.542	72.850.727.277
11. Thu nhập khác	31		4.850.317.371	4.296.274.442
12. Chi phí khác	32		2.578.623.052	1.636.108.603
13. Lợi nhuận khác	40		2.271.694.319	2.660.165.839
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		106.517.252.861	75.510.893.116
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	0	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.31	0	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		106.517.252.861	75.510.893.116
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)			25.902	30.204

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2009

Lập biểu

Phó Phòng Tài chính kế toán

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Minh Châu



Phạm Mạnh Hiền



Phạm Văn Công

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2008

Chi tiêu	Mã số	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	2.688.745.533.422	1.273.411.755.853
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(807.633.723.791)	(156.829.591.355)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(41.702.368.700)	(17.237.074.553)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(145.358.357.946)	(15.889.034.130)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(65.597.426)	(88.895.761)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	40.618.678.434	41.101.577.554
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(309.825.505.903)	(1.329.851.866.223)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.424.778.658.090	(205.383.128.615)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(2.216.887.328)	(868.923.684)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS khác	22	113.902.890	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(10.177.220.000)	(7.934.385.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	318.300.000	4.977.185.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	613.066.489	0
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.348.837.949)	(3.826.123.684)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	0	11.850.158.400
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	516.025.867.849	966.852.162.614
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.908.576.596.474)	(759.609.652.690)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.392.550.728.625)	219.092.668.324
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	20.879.091.516	9.883.416.025
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	16.869.286.931	6.985.870.906
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.342.079	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	37.753.720.526	16.869.286.931

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2009

Lập biểu

Phó Phòng Tài chính kế toán

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Minh Châu

Phạm Mạnh Hiền

Phạm Văn Công

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ô tô TMT được chuyển đổi hình thức sở hữu theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14/4/2006 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thương mại và Sản xuất vật tư thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam thành công ty cổ phần.

Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 ngày 14/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 17/02/2009.

Vốn điều lệ của Công ty: 90.000.000.000 đồng (Chín mươi tỷ đồng chẵn).

Công ty có trụ sở chính tại số 199B - Minh Khai - Quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội.

Hình thức sở hữu vốn: hỗn hợp.

Đơn vị trực thuộc Công ty gồm có: Nhà máy Ô tô Cửu Long, Nhà máy sản xuất lắp ráp xe gắn máy đặt tại xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên và Chi nhánh Công ty tại tỉnh Bình Dương đặt tại xã Lộ Hà Nội, xã Bình Thắng, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Công ty có 01 Công ty con là Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải ô tô số 8, địa chỉ: Số 7, Lương Yên, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Tại thời điểm 31/12/2008, vốn điều lệ của Công ty con là 12.000.000.000 đồng (mười hai tỷ đồng chẵn), tỷ lệ nắm giữ vốn của Công ty CP Ô tô TMT tại Công ty con là 54,17%.

2- Lĩnh vực kinh doanh chính

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất, lắp ráp xe máy và ô tô tải.

3- Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và cung ứng vật tư thiết bị cơ khí giao thông vận tải;
- Gia công, phục hồi, kinh doanh vật tư, phụ tùng, phương tiện cơ khí giao thông vận tải;
- Sửa chữa, kinh doanh và đại lý ký gửi các loại xe gắn máy hai bánh;
- Kinh doanh hàng điện, điện tử, hàng nội thất;
- Làm dịch vụ xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng, phương tiện giao thông vận tải;
- Đại lý, kinh doanh vật tư, thiết bị phụ tùng, vật liệu xây dựng và dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, phương tiện vận tải, nông sản và hàng tiêu dùng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng nông, lâm, thổ sản, hải sản (trừ loại lâm sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu hàng hóa (trừ loại Nhà nước cấm);
- Đại lý xăng dầu, nhiên liệu;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Dịch vụ vận tải và giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại, xe gắn máy hai bánh các loại;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng ô tô, xe gắn máy hai bánh;
- Kinh doanh bất động sản (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (VND).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các Ngân hàng, đảm bảo đã được kiểm kê, có xác nhận sổ dư của các Ngân hàng.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra VND: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc;

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền;

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm: lợi thế thương mại chờ phân bổ; chi phí trả trước phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính; công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ hoạt động của Công ty.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

CHẾ ĐỘ
NHÀ
VÀ
HỌC
SINH
IP. H

SDKH D. OI
C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi tiền vay được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Năm 2008, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư 134/2007/TT - BTC ngày 23/11/2007.

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Tiền mặt tại quỹ	357.564.580	125.319.248
Tiền gửi ngân hàng	4.197.767.771	13.788.117.683
Tiền đang chuyển	5.621.918.400	2.955.850.000
Cộng	10.177.250.751	16.869.286.931

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Kinh phí công đoàn	60.281.883	0
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	26.911.170	0
Phải thu về cổ phần hóa	0	281.671.058
Phải thu xây lắp giá trị hạng mục hoàn thành	0	315.407.481
Phải thu chi phí hàng cấp bù	0	55.702.685
Phải thu ngân sách Nhà nước (*)	10.565.000.000	0
Cổ tức phải thu Công ty Cổ phần DV vận tải Ô tô số 8	352.310.835	0
Phải thu khác	3.809.102.117	510.907.865
Cộng	14.813.606.005	1.163.689.089

Ghi chú: (*) Đây là khoản phải thu ngân sách Nhà nước tiền hỗ trợ theo Quyết định số 1491/QĐ-TTg ngày 08/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ để thay thế xe công nông, xe tải quá niên hạn sử dụng cho người mua xe ô tô mới của TMT tại các tỉnh miền núi phía Bắc và Tây Nguyên.

4. Hàng tồn kho

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Hàng mua đang đi trên đường	3.242.476.100	161.201.747.466
Nguyên liệu, vật liệu	33.652.117.961	20.461.502.890
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	535.451.138.475	135.427.137.036
Thành phẩm	134.803.453.712	105.053.398.443
Hàng hóa	200.455.145.403	36.482.763.377
Hàng gửi đi bán	238.553.769.031	181.217.780.365
Cộng giá gốc hàng tồn kho	1.146.158.100.682	639.844.329.577

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Số 199B - phố Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 04. 38 628 205

Fax: 04. 38 628 703

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	3.192.573.036	3.127.073.825
Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	16.758.000	0
Thuế nhập khẩu nộp thừa	1.898.668.416	0
Cộng	5.107.999.452	3.127.073.825

8. Tình hình tăng; giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2008	45.861.183.461	24.761.239.734	9.535.066.795	1.612.853.926	3.965.394.118	85.735.738.034
Tăng do mua sắm	11.650.000	8.295.615.435	3.524.020.855	174.574.249	340.515.000	12.346.375.539
Tăng do XDCB hoàn thành	3.808.304.631	2.743.822.233	0	0	0	6.552.126.864
Tăng khác	0	0	32.825.350	0	30.894.000	63.719.350
Thanh lý, nhượng bán	0	0	(1.080.419.048)	0	0	(1.080.419.048)
Giảm khác	0	0	0	0	0	0
Tại ngày 31/12/2008	49.681.138.092	35.800.677.402	12.011.493.952	1.787.428.175	4.336.803.118	103.617.540.739
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2008	10.902.011.350	18.714.697.802	5.524.189.192	1.016.443.405	3.126.016.417	39.283.358.166
Khấu hao TSCĐ	5.163.413.680	4.728.058.604	1.555.212.570	300.263.122	480.797.997	12.227.745.973
Tăng khác	0	0	0	0	0	0
Thanh lý, nhượng bán	0	0	(989.762.886)	0	0	(989.762.886)
Giảm khác	0	0	0	0	0	0
Tại ngày 31/12/2008	16.065.425.030	23.442.756.406	6.089.638.876	1.316.706.527	3.606.814.414	50.521.341.253
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2008	34.959.172.111	6.046.541.932	4.010.877.603	596.410.521	839.377.701	46.452.379.868
Tại ngày 31/12/2008	33.615.713.062	12.357.920.996	5.921.855.076	470.721.648	729.988.704	53.096.199.486

- Giá trị còn lại tại 31/12/2008 của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố các khoản vay 27.073.570.983 đồng;

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao tại ngày 31/12/2008 nhưng vẫn còn sử dụng: 13.331.465.347 đồng.

Ghi chú:

TSCĐ hữu hình thuộc dự án "Nhà máy Ô tô Cầu Long" chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư chính thức, giá trị tạm ghi nhận theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành do Công ty lập là:

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	8.108.838.313	1.505.061.610	6.603.776.703
Máy móc thiết bị	2.590.269.072	1.812.702.571	777.566.501
Phương tiện vận tải	1.192.454.953	856.171.396	336.283.557
Thiết bị dụng cụ quản lý	115.019.318	84.147.801	30.871.517
TSCĐ hữu hình khác	666.780.150	652.052.574	14.727.576
Cộng	12.673.361.806	4.910.135.952	7.763.225.854

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Số 199B - phố Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: 04. 38 628 205 Fax: 04. 38 628 703

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính
Kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm kế toán	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2008	55.000.000	19.433.410.399	19.488.410.399
Tại ngày 31/12/2008	55.000.000	19.433.410.399	19.488.410.399
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2007	24.444.448	1.194.068.318	1.218.512.766
Khấu hao trong kỳ	18.333.335	413.942.100	432.275.435
Tại ngày 31/12/2008	42.777.783	1.608.010.418	1.650.788.201
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2008	30.555.552	18.239.342.081	18.269.897.633
Tại ngày 31/12/2008	12.222.217	17.825.399.981	17.837.622.198

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Các dự án, công trình đầu tư xây dựng cơ bản dở dang:		
- Dự án mở rộng nhà máy sản xuất ô tô tải	15.731.631.120	4.542.486.860
- Dự án mở rộng sản xuất lắp ráp xe 2 bánh gắn máy	0	52.630.000
- Kho phụ tùng xe máy	10.514.310.176	0
- Hạ tầng cơ sở giai đoạn 2	36.696.364	36.696.364
- Mua sắm TSCĐ	8.657.057	0
- Tuyển đường B5	1.440.000	1.440.000
- Lãi vay vốn hóa	350.447.825	0
Cộng	26.643.182.542	4.633.253.224

13- Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Đầu tư cổ phiếu	3.369.205.041	3.435.300.492
Cộng	3.369.205.041	3.435.300.492

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	338.656.749	625.177.533
Lợi thế thương mại	0	249.805.566
Phí tư vấn kiểm định ô tô	0	29.576.191
Cộng	338.656.749	904.559.290

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Vay ngắn hạn	939.279.619.765	319.764.342.666
- Vay ngân hàng	924.657.119.765	316.904.342.666
- Vay đối tượng khác	14.622.500.000	2.860.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	15.291.231.900	0
Cộng	954.570.851.665	319.764.342.666

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.830.497.749	175.733.145
Thuế xuất, nhập khẩu	113.974.686	20.472.283.463
Thuế thu nhập cá nhân	83.671.870	83.671.870
Cộng	4.028.144.305	20.731.688.478

17. Chi phí phải trả

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Hàng Bảo hành ô tô	3.040.068.768	0
Chiết khấu thanh toán	587.380.000	0
Hoa hồng đại lý	22.518.180	0
Chi phí kiểm toán	185.000.000	0
Chi phí khuyến mại vàng	97.641.000	0
Chi phí quảng cáo	3.261.938.820	2.003.590.908
Chi phí khuyến mại lệ phí thiết bị Sinotruk	240.000.000	0
Khuyến mại lệ phí trước bạ xe Cửu Long	6.156.362.481	1.634.750.910
Chi phí vận chuyển	0	1.825.819.524
Chi phí lãi vay	11.323.722.573	330.616.095
Chi phí phải trả cán bộ công nhân viên	0	6.574.046.039
Tiền thuê Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển để thực hiện phát hành cổ phiếu lần 2	50.000.000	0
Chi phí trả trước khác	174.699	127.665.819
Cộng	24.964.806.520	12.496.489.295

18. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	0	273.273.903
Kinh phí công đoàn	949.098.547	168.334.668
Bảo hiểm xã hội	42.237.570	0
Phải trả về cổ phần hóa	0	899.323.636
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.420.000.000	0
Phải trả góp vốn mua cổ phần lần 2	0	3.204.400.000
Cổ tức phải trả	2.098.500.000	0
Các khoản phải trả khác	3.956.702.957	82.166.800.898
- Phải trả nhà cung cấp nước ngoài	0	81.177.332.025
- Phải trả phải nộp khác	3.956.702.957	989.468.873
Cộng	16.466.539.074	86.712.133.105

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Số 199B - phố Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 04. 38 628 205

Fax: 04. 38 628 703

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Vay dài hạn	35.451.751.491	32.835.209.475
- Ngân hàng	32.651.751.491	32.835.209.475
- Vay đối tượng khác	2.800.000.000	0
Nợ dài hạn	1.990.000.000	2.710.000.000
Cộng	37.441.751.491	35.545.209.475

22. Nguồn vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	25.000.000.000	0	0	0	75.510.893.116	100.510.893.116
Tăng vốn trong năm	65.000.000.000	5.500.000.000	0	0	0	70.500.000.000
Lãi trong năm	0	0	0	0	106.517.252.861	106.517.252.861
Tăng khác	0	0	23.643.050.040	2.718.392.148	207.351.261	26.568.793.449
Giảm khác	0	0	0	0	(88.128.591.538)	(88.128.591.538)
Số dư cuối năm	90.000.000.000	5.500.000.000	23.643.050.040	2.718.392.148	94.106.905.700	215.968.347.888

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Vốn góp của Nhà nước	24.500.000.000	12.250.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	65.500.000.000	12.750.000.000
	90.000.000.000	25.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	25.000.000.000	25.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	65.000.000.000	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	90.000.000.000	25.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia		

d. Cổ phiếu

	31/12/2008 VND	Năm 2007 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	2.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	2.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
+ Cổ phiếu phổ thông	0	0
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.000.000	2.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	2.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	9.000.000	2.500.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Số 199B - phố Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 04. 38 628 205

Fax: 04. 38 628 703

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**e. Các quỹ của doanh nghiệp:**

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Quỹ đầu tư phát triển	23.643.050.040	0
Quỹ dự phòng tài chính	2.718.392.148	0
Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.358.258.212	717.287.928
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0	0

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển bao gồm khoản thuế TNDN được miễn giảm và phần quỹ dự trữ bổ sung 10% vốn điều lệ được trích theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty, khi tăng vốn điều lệ thì phân phối lại cho các chủ sở hữu theo tỷ lệ vốn góp.
- Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại đã xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra các tổn thất và của các tổ chức Bảo hiểm.
- Quỹ phúc lợi được sử dụng để đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung xây dựng các công trình phúc lợi công cộng của Công ty; chia cho hoạt động thể thao văn hoá, tham quan, phúc lợi công cộng của tập thể nhân viên trong Công ty, đóng góp cho quỹ phúc lợi xã hội; trợ cấp thường xuyên, đột xuất cho cán bộ công nhân viên theo thỏa ước lao động tập thể...
- Quỹ khen thưởng được sử dụng thưởng cho cán bộ công nhân viên trong Công ty và các cá nhân và đơn vị bên ngoài có đóng góp có hiệu quả vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.325.298.503.824	997.490.951.610
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	2.325.298.503.824	997.490.951.610
Doanh thu cung cấp dịch vụ	0	0
Doanh thu hợp đồng xây dựng	0	0
26- Các khoản giảm trừ doanh thu	3.563.424.650	249.959.913
Chiết khấu thương mại	3.533.281.807	0
Giảm giá hàng bán	30.142.843	19.073.563
Hàng bán bị trả lại	0	230.886.350
27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.321.735.079.174	997.240.991.697
Trong đó:		
Doanh thu thuần trao đổi, sản phẩm hàng hóa	2.321.735.079.174	997.240.991.697
Doanh thu cung cấp dịch vụ	0	0

28. Giá vốn hàng bán

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.953.379.829.715	872.304.889.767
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	21.237.668.872	0
Cộng	1.974.617.498.587	872.304.889.767

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Số 199B - phố Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 04. 38 628 205

Fax: 04. 38 628 703

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	926.454.940	854.455.846
Cổ tức, lợi nhuận được chia	432.782.572	0
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	6.067.393.571	2.900.700.129
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.942.262.577	301.374.658
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.200.000	0
Cộng	15.374.093.660	4.056.530.633

30. Chi phí tài chính

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lãi tiền vay	137.030.037.451	19.994.316.933
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	696.108.000	
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	201.416.393	
Lỗ bán ngoại tệ	0	
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	19.255.704.319	439.472.522
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	16.860.749.066	
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.341.025.441	
Chi phí tài chính khác	184.932.613	43.798.288
Cộng	176.569.973.283	20.477.587.743

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

3- Thông tin về bên liên quan**❖ Thông tin chung về bên liên quan**

• Công ty con:

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải ô tô số 8

- Địa chỉ: Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

❖ Các giao dịch chủ yếu với bên liên quan

- Giao dịch mua, bán:

Nội dung	Giá trị (VND)
Giao dịch mua	102.547.500.000
+ Mua ô tô	102.547.500.000
Giao dịch bán	107.652.025.000
+ Bán ô tô	5.420.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Số 199B - phố Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 04. 38 628 205

Fax: 04. 38 628 703

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3- Thông tin về bên liên quan (tiếp theo)**- Quan hệ thanh toán**

Số TT	Khoản mục	Số dư đầu năm	Số phát sinh tăng trong năm	Số phát sinh giảm trong năm	Số dư cuối năm
1	Phải trả	0	102.547.500.000	92.292.750.000	10.254.750.000
2	Phải thu	0	102.232.025.000	97.397.750.000	10.254.275.000

5- Thông tin so sánh

Số liệu tại đầu kỳ và năm tài chính trước được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2007 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (nay là Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh).

6- Tính hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2009

Người lập biểu

Phó Phòng Tài chính kế toán

Phó Tổng Giám đốc






Phạm Minh Châu

Phạm Mạnh Hiền

Phạm Văn Công